



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 01

ĐỊA ĐIỂM: P.101 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	001	0022412285	Trần Thị Mỹ	Ái	Nữ	Kinh	03/10/2004	Đồng Tháp			
2	002	0021410008	Nguyễn Thị Mỹ	An	Nữ	Kinh	22/10/2003	Đồng Tháp			
3	003	0022412035	Phan Thái	An	Nam	Kinh	27/12/2004	Long An			
4	004	0022410235	Võ Thị Cẩm	An	Nữ	Kinh	22/6/2004	Tây Ninh			
5	005	0019410422	Đặng Thị Trâm	Anh	Nữ	Kinh	23/6/2001	Kiên Giang			
6	006	0019410573	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	Kinh	20/02/2000	Đồng Tháp			
7	007	0021412048	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	Kinh	04/02/2003	Long An			
8	008	0019410826	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	Kinh	20/10/2001	Thanh Hóa			
9	009	0020410470	Trần Lương Huỳnh	Anh	Nữ	Kinh	11/01/2002	Đồng Tháp			
10	010	0021412074	Võ Thị Tuyết	Anh	Nữ	Kinh	01/12/2003	Trà Vinh			
11	011	0019410132	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	27/01/2001	Đồng Tháp			
12	012	091302006723	Phạm Thị Minh	Ánh	Nữ	Kinh	28/02/2002	Kiên Giang			
13	013	0017410570	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	04/4/1999	Đồng Tháp			
14	014	0020410792	Lê Sơn	Bá	Nam	Kinh	22/3/2002	Đồng Tháp			
15	015	0022410474	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	Kinh	19/02/2004	Cần Thơ			
16	016	0022411098	Quách Thái	Bi	Nam	Kinh	02/5/2003	Bạc Liêu			
17	017	0020410116	Hà Thị Vân	Bình	Nữ	Kinh	30/5/2002	Đồng Tháp			
18	018	0020411058	Nguyễn Thị Mộng	Bình	Nữ	Kinh	08/10/2002	Đồng Tháp			
19	019	087193016861	Phạm Nguyễn Xuân	Bình	Nữ	Kinh	01/6/1993	Đồng Tháp			
20	020	0022410425	Trương Vũ	Cầu	Nam	Kinh	15/02/2004	Kiên Giang			
21	021	0022411612	Mai Thị Quế	Chi	Nữ	Kinh	25/10/2003	Đồng Tháp			
22	022	0022411185	Nguyễn Văn Huỳnh	Chung	Nam	Kinh	15/02/2004	Đồng Tháp			
23	023	0022411513	Võ Thị Kim	Cương	Nữ	Kinh	14/3/2004	Bến Tre			
24	024	0021410082	Nguyễn Phùng Linh	Đan	Nữ	Kinh	05/10/2003	Tiền Giang			
25	025	0015411209	Đặng Thành Khoa	Đạt	Nam	Kinh	15/11/1997	Trà Vinh			
26	026	0019410755	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	Kinh	16/01/1996	Đồng Tháp			
27	027	087193000942	Võ Thị Ngọc	Diệu	Nữ	Kinh	08/01/1993	Đồng Tháp			
28	028	0021410117	Nguyễn Lê Anh	Đô	Nam	Kinh	26/3/2002	An Giang			
29	029	0021412215	Đặng Thị Ngọc	Dung	Nữ	Kinh	30/8/2003	Đồng Tháp			
30	030	0022411083	Quách	Dững	Nam	Kinh	01/5/2004	Bạc Liêu			
31	031	0022410220	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	05/12/2003	An Giang			
32	032	0022411247	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	16/7/2004	Đồng Tháp			

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 02

ĐỊA ĐIỂM: P.102 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	033	0021412241	Đặng Khánh Duy	Nam	Kinh	27/01/2003	Bến Tre				
2	034	0015410697	Dương Phan Cảnh Duy	Nam	Kinh	17/5/1997	Tiền Giang				
3	035	0019410349	Huỳnh Quang Duy	Nam	Kinh	29/10/2001	Bến Tre				
4	036	0017410555	Ngô Nhựt Duy	Nam	Kinh	22/10/1999	Đồng Tháp				
5	037	0022410530	Nguyễn Hữu Duy	Nam	Kinh	02/6/2004	Đồng Tháp				
6	038	0020410342	Võ Thị Hạnh Duy	Nữ	Kinh	07/5/2002	Đồng Tháp				
7	039	0022411964	Huỳnh Thị Cẩm Duyên	Nữ	Kinh	28/02/2004	Cần Thơ				
8	040	0019410020	Nguyễn Cao Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	09/6/2001	Vĩnh Long				
9	041	0022412489	Lê Huỳnh Trúc Giang	Nữ	Kinh	30/12/2004	Tiền Giang				
10	042	0019410232	Lê Trường Giang	Nam	Kinh	11/6/1997	An Giang				
11	043	0022410295	Cao Văn Giàu	Nam	Kinh	17/4/2004	Cần Thơ				
12	044	0022411061	Phạm Trọng Ngọc Giàu	Nữ	Kinh	25/3/2004	Đồng Tháp				
13	045	087301014322	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	Kinh	21/8/2001	Đồng Tháp				
14	046	0022411232	Nguyễn Phi Hải	Nam	Kinh	08/7/2004	Đồng Tháp				
15	047	0022411017	Phạm Chí Hải	Nam	Kinh	29/6/2004	Đồng Tháp				
16	048	0022411697	Chế Thị Kim Hân	Nữ	Kinh	02/7/2004	TP Cần Thơ				
17	049	0022410629	Lưu Ngọc Bảo Hân	Nữ	Kinh	15/02/2004	Tây Ninh				
18	050	0022410776	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	25/7/2004	Đồng Tháp				
19	051	0022410995	Ngô Thị Thúy Hằng	Nữ	Kinh	29/8/2004	Tiền Giang				
20	052	0022410508	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	Kinh	05/4/2004	Đồng Tháp				
21	053	0019410713	Nguyễn Trần Thị Cẩm Hằng	Nữ	Kinh	09/9/2000	Đồng Tháp				
22	054	0019410392	Phan Thúy Hằng	Nữ	Kinh	14/02/2001	Đồng Tháp				
23	055	0022412539	Huỳnh Phương Hạnh	Nữ	Kinh	12/01/2004	Tiền Giang				
24	056	0021410225	Trần Thị Bích Hạnh	Nữ	Kinh	13/02/2003	Đồng Tháp				
25	057	087190023954	Huỳnh Thị Thanh Hào	Nữ	Kinh	08/4/1990	Đồng Tháp				
26	058	0022412522	Trần Nguyễn Quang Hiên	Nam	Kinh	23/8/2004	Đồng Tháp				
27	059	0022411358	Nguyễn Ngọc Hồ	Nam	Kinh	13/11/2004	Bến Tre				
28	060	0022411989	Lê Huỳnh Xuân Hòa	Nữ	Kinh	14/02/2004	Tiền Giang				
29	061	0019310026	Đặng Đức Hoàng	Nam	Kinh	11/12/2001	Bình Phước				
30	062	0018410771	Lê Phi Hùng	Nam	Kinh	09/9/1999	Đồng Tháp				
31	063	0022410072	Phan Trường Huy	Nam	Kinh	18/9/2004	Bến Tre				
32	064	0022410514	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Nữ	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 03

ĐỊA ĐIỂM: P.103 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	065	0021410292	Nguyễn Thị Bích	Huyền	Nữ	Kinh	06/12/2003	An Giang				
2	066	0022410826	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	Kinh	21/3/2004	Tây Ninh				
3	067	0022411244	Phan Thị Mộng	Huỳnh	Nữ	Kinh	01/4/2004	Đồng Tháp				
4	068	0022412747	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	Kinh	03/4/2000	Bến Tre				
5	069	0021410326	Lâm Đăng	Khoa	Nam	Kinh	31/8/2003	Trà Vinh				
6	070	0022411308	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	16/6/2003	An Giang				
7	071	0021412517	Nguyễn Xuân	Khoa	Nữ	Kinh	21/11/2003	Đồng Tháp				
8	072	0022410275	Phạm Thị Kim	Khoa	Nữ	Kinh	07/3/2004	Long An				
9	073	087203019325	Trần Đăng	Khoa	Nam	Kinh	06/01/2003	Tiền Giang				
10	074	0019410702	Trần Đăng	Khoa	Nam	Kinh	15/01/2001	Bến Tre				
11	075	0019410733	Phạm Trung	Kiên	Nam	Kinh	16/6/2001	Long An				
12	076	0019410490	Nguyễn Thị Trúc	Lam	Nữ	Kinh	25/10/2001	Đồng Tháp				
13	077	0022410331	Trần Ngọc	Lam	Nam	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp				
14	078	0022410957	Phan Bảo	Lâm	Nam	Kinh	27/10/2004	Đồng Tháp				
15	079	0019410405	Đoàn Ngọc	Lan	Nữ	Kinh	12/5/1999	An Giang				
16	080	0022410447	Đỗ Ngọc	Linh	Nữ	Kinh	02/3/2004	Đồng Tháp				
17	081	0020410430	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	Kinh	10/3/2002	Đồng Tháp				
18	082	0021410374	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	Kinh	21/02/2003	Đồng Tháp				
19	083	0022410212	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	Kinh	21/8/2004	Đồng Tháp				
20	084	0021410381	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	Kinh	18/5/2003	Tiền Giang				
21	085	0022410516	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	Kinh	25/8/2004	Đồng Tháp				
22	086	0021413826	Trang Nhà	Linh	Nữ	Kinh	20/7/2003	Long An				
23	087	0019410158	Nguyễn Thành	Lộc	Nam	Kinh	16/6/2001	Đồng Tháp				
24	088	0020410205	Lê Mỹ	Lợi	Nữ	Kinh	18/01/2002	Đồng Tháp				
25	089	0021413724	Bùi Tuấn	Luân	Nam	Kinh	10/9/2003	Đồng Tháp				
26	090	0022411378	Châu Thành	Luân	Nam	Kinh	30/7/2004	Đồng Tháp				
27	091	0022411490	Cao Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	04/7/2004	Đồng Tháp				
28	092	0022410997	Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	01/01/2004	Tiền Giang				
29	093	0022412169	Võ Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	24/10/2004	Đồng Tháp				
30	094	0019410491	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	Kinh	25/02/2001	Đồng Tháp				
31	095	0022411723	Trần Thị Quỳnh	Mai	Nữ	Kinh	05/5/2004	Vĩnh Long				
32	096	0021412667	Hà Văn	Mây	Nữ	Kinh	16/11/2003	Vĩnh Long				

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 04

ĐỊA ĐIỂM: P.104 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	097	0019410369	Trần Chí Hoàng Minh	Nam	Kinh	02/5/2001	Cần Thơ				
2	098	087301012582	Trần Thị Diễm My	Nữ	Kinh	13/11/2001	Đồng Tháp				
3	100	0022411931	Võ Thị A Na	Nữ	Kinh	02/5/2004	An Giang				
4	101	0022412113	Hồ Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	09/10/2004	Đồng Tháp				
5	102	0019310057	Huỳnh Thị Hạnh Ngân	Nữ	Kinh	26/5/2001	Đồng Tháp				
6	103	0021411497	Nguyễn Thái Ngân	Nam	Kinh	17/01/2003	Đồng Tháp				
7	104	0021412729	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	Kinh	25/10/2003	Vĩnh Long				
8	105	0022410294	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	Kinh	12/02/2004	Long An				
9	106	0022412173	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	19/02/2004	Đồng Tháp				
10	107	0021413833	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	10/5/2003	Cần Thơ				
11	108	0021411507	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ	Kinh	14/8/2003	Vĩnh Long				
12	109	0019410772	Phan Kim Ngân	Nữ	Kinh	22/12/2001	Vĩnh Long				
13	110	0019410364	Trần Thái Ngân	Nữ	Kinh	11/4/2001	An Giang				
14	111	0022410862	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	28/12/2004	Đồng Tháp				
15	112	087096000149	Nguyễn Hữu Nghĩa	Nam	Kinh	01/8/1996	Đồng Tháp				
16	113	0022410342	Phạm Thị Ngoan	Nữ	Kinh	18/5/2004	Đồng Tháp				
17	114	0020410463	Bùi Thị Cẩm Ngọc	Nữ	Kinh	06/10/2002	Đồng Tháp				
18	115	0021412772	Hồ Tuấn Ngọc	Nam	Kinh	02/7/2003	Đồng Tháp				
19	116	0020410330	Lê Thị Ánh Ngọc	Nữ	Kinh	17/9/2001	An Giang				
20	117	0022411845	Nguyễn Lâm Ngọc	Nữ	Kinh	30/10/2004	Cà Mau				
21	118	0022410372	Nguyễn Phan Như Ngọc	Nữ	Kinh	06/5/2004	Tiền Giang				
22	119	0019410692	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	07/9/2001	Đồng Tháp				
23	120	0022411255	Nguyễn Du Thanh Nguyên	Nam	Kinh	07/8/2004	TP HCM				
24	121	087303003396	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	08/4/2003	Đồng Tháp				
25	122	0020410464	Võ Hữu Nguyên	Nam	Kinh	21/12/2000	Đồng Tháp				
26	123	0020410991	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	Kinh	02/4/2002	Đồng Tháp				
27	124	0021411566	Nguyễn Thị Trang Nhã	Nữ	Kinh	27/10/2003	Đồng Tháp				
28	125	087079006852	Lê Hoàng Nhân	Nam	Kinh	26/02/1979	Đồng Tháp				
29	126	0019410848	Lê Công Nhật	Nam	Kinh	22/12/2001	Đồng Tháp				
30	127	0022410054	Lê Thanh Nhật	Nam	Kinh	20/5/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 05

ĐỊA ĐIỂM: P.201 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	128	0022412085	Cao Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	22/5/2004	Bạc Liêu				
2	129	0021412849	Đặng Thị Chúc	Nhi	Nữ	Kinh	27/4/2003	Cà Mau				
3	130	087196012928	Đào Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	09/9/1996	Đồng Tháp				
4	131	0022410308	Đoàn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	14/5/2004	Tiền Giang				
5	132	0022411552	Hồ Thị Huỳnh	Nhi	Nữ	Kinh	07/10/2004	Đồng Tháp				
6	133	0021410586	Lê Phương	Nhi	Nữ	Kinh	23/01/2003	Tiền Giang				
7	134	0020410546	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	24/6/2002	Đồng Tháp				
8	135	0019410605	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	02/4/2001	An Giang				
9	136	0020410121	Phạm Ý	Nhi	Nữ	Kinh	24/6/2002	Đồng Tháp				
10	137	0022412111	Tô Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	04/3/2004	Đồng Tháp				
11	138	0022411695	Võ Ý	Nhiên	Nữ	Kinh	26/01/2004	Đồng Tháp				
12	139	0019410197	Châu Thị Việt	Như	Nữ	Kinh	16/11/2001	Đồng Tháp				
13	140	0020410918	Lê Mỹ	Như	Nữ	Kinh	09/9/2002	Đồng Tháp				
14	141	0021411610	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	18/9/2003	Long An				
15	142	0020410763	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/7/2002	Bến Tre				
16	143	0022411689	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/8/2004	Đồng Tháp				
17	144	0019410140	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	09/12/2001	Đồng Tháp				
18	145	087088016273	Huỳnh Minh	Nhật	Nam	Kinh	21/01/1988	Đồng Tháp				
19	146	0022411765	Phạm Nguyễn Kiều	Nương	Nữ	Kinh	21/10/2004	Đồng Tháp				
20	147	0019410170	Lê Công	Pháp	Nam	Kinh	20/5/2001	Đồng Tháp				
21	148	0021412982	Phan Phú	Phát	Nam	Kinh	03/8/2003	Tiền Giang				
22	149	0021410676	Nguyễn Lê	Phil	Nam	Kinh	03/8/2003	Cà Mau				
23	150	0021410680	Mang Văn Hoàng	Phú	Nam	Kinh	21/8/2003	Tây Ninh				
24	151	0022411392	Đỗ Thiên	Phúc	Nam	Kinh	14/4/2004	Vĩnh Long				
25	152	0021413031	Huỳnh Thị Mai	Phương	Nữ	Kinh	21/8/2003	Đồng Tháp				
26	153	0015411894	Lê Anh	Phương	Nam	Kinh	24/5/1996	Đồng Tháp				
27	154	0022410019	Trần Hà	Phương	Nữ	Kinh	29/11/2003	Kiên Giang				
28	155	087091000333	Trần Minh	Phương	Nam	Kinh	12/8/1991	Đồng Tháp				
29	156	0022410092	Phan Thị Ngọc	Phượng	Nữ	Kinh	31/3/2004	Tiền Giang				
30	157	0022410381	Nguyễn Phú	Quý	Nam	Kinh	17/7/2004	Vĩnh Long				
31	158	0022411510	Cù Thị Kim	Quyên	Nữ	Kinh	17/10/2004	Bến Tre				
32	159	0022411464	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	Nữ	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 32

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 06

ĐỊA ĐIỂM: P.202 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	160	0022411504	Hồ Như Quỳnh	Nữ	Kinh	17/01/2004	Bến Tre				
2	161	0022410332	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	Kinh	21/4/2004	Cần Thơ				
3	162	0020410541	Trần Na Sin	Nam	Kinh	20/6/2002	Đồng Tháp				
4	163	0022410041	Ngô Minh Sơn	Nam	Kinh	28/02/2004	Tiền Giang				
5	164	0022411413	Võ Thanh Tâm	Nam	Kinh	13/10/2004	Bến Tre				
6	165	0022410258	Phạm Hoàng Thái	Nam	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp				
7	166	0019310051	Trương Quốc Thái	Nam	Kinh	21/4/2001	An Giang				
8	167	0019410171	Nguyễn Hồng Thắm	Nữ	Kinh	31/5/2001	Vĩnh Long				
9	168	0022410076	Cao Minh Thắng	Nam	Kinh	02/01/2004	Bến Tre				
10	169	0022410144	Lê Hiền Anh Thanh	Nam	Kinh	07/02/2004	Vĩnh Long				
11	170	0019410535	Nguyễn Thị Cà Thanh	Nữ	Kinh	06/3/2001	Kiên Giang				
12	171	0021410802	Huỳnh Thị Phương Thảo	Nữ	Kinh	18/6/2003	Đồng Tháp				
13	172	0021410810	Lương Thị Kim Thảo	Nữ	Kinh	02/8/2003	Đồng Tháp				
14	173	0021410821	Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	10/7/2003	Long An				
15	174	0021413864	Khẩu Nhã Thi	Nữ	Kinh	27/8/2003	TP HCM				
16	175	0022411396	Nguyễn Nhân Phú Thuật Thiên	Nữ	Kinh	27/10/2004	Hậu Giang				
17	176	0022411467	Trần Phan Nhật Thiên	Nam	Kinh	16/9/2004	Đồng Tháp				
18	177	0019410566	Trần Thị Thiet	Nữ	Kinh	03/10/2001	Đồng Tháp				
19	178	0019410070	Nguyễn Hồng Thơ	Nữ	Kinh	22/02/1999	Vĩnh Long				
20	179	0022411692	Bùi Minh Thư	Nữ	Kinh	04/9/2004	Đồng Tháp				
21	180	0019410367	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	01/01/2001	Cần Thơ				
22	181	0022412407	Lê Khánh Thuận	Nam	Kinh	20/01/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 22



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 07

ĐỊA ĐIỂM: P.203 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	182	0021410899	Võ Thị Thanh	Thủy	Nữ	Kinh	15/11/2003	Tiền Giang				
2	183	0020410120	Phạm Hồng	Thúy	Nữ	Kinh	24/6/2002	Đồng Tháp				
3	184	0014419036	Nguyễn Hồ Thủy	Tiên	Nữ	Kinh	28/6/1996	Đồng Tháp				
4	185	0022410676	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	06/02/2004	Đồng Tháp				
5	186	0021413330	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	02/10/2003	Cần Thơ				
6	187	0017410860	Nguyễn Thị Kim	Tiên	Nữ	Kinh	29/9/1997	Đồng Tháp				
7	188	0022411164	Nguyễn Thị Mộng	Tiên	Nữ	Kinh	12/02/2004	Đồng Tháp				
8	189	0021410909	Phạm Thị Kiều	Tiên	Nữ	Kinh	16/12/2003	An Giang				
9	190	0022410008	Đặng Công	Tiến	Nam	Kinh	29/12/2004	Long An				
10	191	0022410961	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	Kinh	09/12/2004	Tiền Giang				
11	192	087301002291	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	Kinh	02/3/2001	Đồng Tháp				
12	193	0022410215	Huỳnh Nguyễn Bích	Trâm	Nữ	Kinh	13/4/2003	Kiên Giang				
13	194	0021413389	Tô Thị Thanh	Trâm	Nữ	Kinh	15/01/2003	Vĩnh Long				
14	195	0022410363	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	15/8/2004	Tiền Giang				
15	196	0020310024	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	07/12/2001	Đồng Tháp				
16	197	0022411698	Nguyễn Trần Bảo	Trân	Nữ	Kinh	09/12/2004	Đồng Tháp				
17	198	0022411899	Phan Thị Bảo	Trân	Nữ	Kinh	03/12/2004	Đồng Tháp				
18	199	0021411858	Võ Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	21/7/2003	Vĩnh Long				
19	200	0020410159	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	Kinh	18/11/2002	Đồng Tháp				
20	201	0019310059	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	04/3/2000	Đồng Tháp				
21	202	0022410103	Lê Quốc	Trí	Nam	Kinh	19/02/2004	Vĩnh Long				
22	203	0022411980	Nguyễn Văn	Trí	Nam	Kinh	09/6/2004	Đồng Tháp				
23	204	0022411727	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	Nữ	Kinh	12/5/2004	Bến Tre				
24	205	087302001389	Phạm Nguyễn Lan	Trinh	Nữ	Kinh	10/6/2002	Đồng Tháp				
25	206	0022410326	Phạm Hữu	Trọng	Nam	Kinh	01/8/2004	Cần Thơ				
26	207	0020310017	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	12/12/2002	Đồng Tháp				
27	208	0022411716	Nguyễn Hoài Anh	Tuấn	Nam	Kinh	15/11/2003	Đồng Tháp				
28	209	0020410390	Đỗ Thị Mỹ	Tường	Nữ	Kinh	30/8/2002	Đồng Tháp				
29	210	0020411026	Nguyễn Công	Tường	Nam	Kinh	20/01/2002	Cần Thơ				
30	211	0022411729	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	Nữ	Kinh	11/5/2004	An Giang				
31	212	0019410669	Trương Đỗ	Uyên	Nữ	Kinh	04/3/2001	Bến Tre				

Tổng số thí sinh: 31



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 81, NGÀY 19/3/2023

PHÒNG THI SỐ: 08

ĐỊA ĐIỂM: P.205 - Dãy B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	213	0022411240	Đỗ Thị Ái Vân	Nữ	Kinh	05/02/2004	Đồng Tháp				
2	214	0022412068	Huỳnh Thị Yến Vi	Nữ	Kinh	11/01/2004	Đồng Tháp				
3	215	0021413556	Nguyễn Ngọc Tường Vi	Nữ	Kinh	04/10/2003	Vĩnh Long				
4	216	0022410488	Đặng Quốc Việt	Nam	Kinh	21/3/2003	TP HCM				
5	217	0022411917	Nguyễn Hoàng Vinh	Nam	Kinh	09/9/2004	Đồng Tháp				
6	218	0014412296	Trương Thành Vinh	Nam	Kinh	09/02/1990	Bến Tre				
7	219	0022411176	Lê Tuấn Vũ	Nam	Kinh	11/8/2004	Long An				
8	220	0022410510	Mai Nguyễn Yến Vy	Nữ	Kinh	06/02/2004	Đồng Tháp				
9	221	087301008465	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Nữ	Kinh	17/6/2001	Đồng Tháp				
10	222	0022410941	Trương Thị Nhã Vy	Nữ	Kinh	24/9/2003	Bến Tre				
11	223	0020410209	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	Nữ	Kinh	22/11/2002	Vĩnh Long				
12	224	0022410105	Huỳnh Như Ý	Nữ	Kinh	26/01/2004	Đồng Tháp				
13	225	0021411079	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	04/01/2003	Đồng Tháp				
14	226	0022410779	Lê Hoàng Bảo Yến	Nữ	Kinh	15/5/2004	Đồng Tháp				
15	227	0022411282	Nguyễn Lê Hải Yến	Nữ	Kinh	24/12/2004	Vĩnh Long				
16	228	0022411619	Tăng Thị Thảo Yến	Nữ	Kinh	31/3/2004	Đồng Tháp				
17	229	0022410967	Dương Hoài Bảo	Nam	Kinh	12/9/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			
18	230	0022410297	Lê Võ Anh Hào	Nam	Kinh	16/6/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			
19	231	0022411465	Cang Anh Huy	Nam	Kinh	24/3/2004	Tiền Giang	BL Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
20	232	0021412746	Trần Kim Ngân	Nữ	Kinh	08/3/2003	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			
21	233	0020310058	Lê Thị Thúy Ngọc	Nữ	Kinh	24/8/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			
22	234	0022411503	Nguyễn Trung Vĩnh	Nam	Kinh	07/01/2004	An Giang	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			
23	235	0022411315	Trịnh Hán Vũ	Nam	Hoa	20/6/2004	Cà Mau	Thi lại Lý thuyết, BL Thực hành			

Tổng số thí sinh: 23